

Số 06/2013/QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày 22 tháng 02 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Quy định chế độ thuộc bổ tăng lực và thực phẩm chức năng
đối với vận động viên thể thao; chế độ khen thưởng cho huấn luyện viên,
vận động viên đạt thành tích trong thi đấu của tỉnh Đắk Nông

UBND TỈNH ĐẮK NÔNG
SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
CÔNG VÀ ĐIỂN
Số 06/2013/QĐ-UBND ngày 22 tháng 02 năm 2013

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân,
Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Quyết định số 32/2011/QĐ-TTg ngày 06 tháng 6 năm 2011 của Thủ
tướng Chính phủ về một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao
được tập trung tập huấn và thi đấu;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 149/2011/TTLT-BTC-BVHTTDL ngày 07
tháng 11 năm 2011 của Liên Bộ Tài chính - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
hướng dẫn thực hiện chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với vận động viên, huấn luyện
viên thể thao thành tích cao;

Xét đề nghị của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 259/TTr-
SVHTTDL ngày 10 tháng 12 năm 2012 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại
Báo cáo số 140/BCTĐ-STP ngày 29 tháng 10 năm 2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định chế độ thuộc bổ tăng lực và thực phẩm chức năng đối với
vận động viên thể thao; chế độ khen thưởng cho huấn luyện viên, vận động viên
đạt thành tích trong thi đấu của tỉnh Đắk Nông, với các nội dung sau:

**I. Chế độ thuộc bổ tăng lực và thực phẩm chức năng đối với vận động
viên thể thao cấp tỉnh**

1. Mức chi:

- | | |
|-----------------------------------|---------------------------------|
| a) Đội tuyển cấp tỉnh: | 13.000 đồng/vận động viên/ngày; |
| b) Đội tuyển trẻ cấp tỉnh: | 10.000 đồng/vận động viên/ngày; |
| c) Đội tuyển năng khiếu cấp tỉnh: | 7.000 đồng/vận động viên/ngày. |

2. Thời gian áp dụng: là số ngày có mặt thực tế tập trung tập luyện và tập
trung thi đấu theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

II. Chế độ khen thưởng cho huấn luyện viên, vận động viên đạt thành tích trong thi đấu của tỉnh Đắk Nông

1. Vận động viên đạt thành tích tại các cuộc thi đấu cấp quốc gia được hưởng mức thưởng cụ thể như sau:

DVT: triệu đồng

TT	Tên cuộc thi	Thành tích			
		Huy chương vàng	Huy chương bạc	Huy chương đồng	Phá kỷ lục (thưởng thêm)
1	Đại hội Thể dục thể thao toàn quốc	15	10	7	7
2	Giải vô địch quốc gia:				
	Các môn thể thao nhóm I (trong chương trình thi đấu của Đại hội TDTT toàn quốc)	13	9	6	6
	Các môn thể thao nhóm II (các môn thể thao còn lại)	10	7	5	5
3	Giải thể thao dành cho người khuyết tật và các giải thuộc hệ thống thi đấu thể thao quần chúng toàn quốc	8	6	4	4
4	Hội thi thể thao các dân tộc thiểu số toàn quốc	5	3	2	2
5	Giải vô địch trẻ quốc gia:				
	Dành cho vận động viên từ 18 tuổi đến dưới 21 tuổi	8	6	4	4
	Dành cho vận động viên từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi	6	4	3	3
	Dành cho vận động viên từ 12 tuổi đến dưới 16 tuổi	4	3	2	2
	Dành cho vận động viên dưới 12 tuổi	3	2	1	1
6	Xếp hạng toàn đoàn tại Đại hội Thể dục thể thao toàn quốc	Nhất 60	Nhi 40	Ba 20	x
7	Xếp hạng toàn đoàn tại Hội thi thể thao các dân tộc thiểu số toàn quốc	Nhất 12	Nhi 10	Ba 8	x
8	Xếp hạng toàn đoàn tại các giải thể thao toàn quốc	Nhất 10	Nhi 8	Ba 6	x

2. Vận động viên đạt thành tích tại các cuộc thi đấu cấp tỉnh được hưởng mức thưởng cụ thể như sau:

DVT: đồng

TT	Tên cuộc thi	Thành tích			
		Huy chương vàng	Huy chương bạc	Huy chương đồng	Phá kỷ lục (thưởng thêm)
1	Đại hội Thể dục thể thao cấp tỉnh	900.000	700.000	500.000	400.000
2	Các giải thuộc hệ thống thi đấu thể thao thành tích cao:				
	Các môn thể thao nhóm I (trong chương trình thi đấu của Đại hội TDTT toàn quốc)	800.000	600.000	400.000	400.000
	Các môn thể thao nhóm II (các môn thể thao còn lại), Hội thi thể thao các dân tộc thiểu số cấp tỉnh	700.000	500.000	300.000	300.000
3	Giải thể thao dành cho người khuyết tật và các giải thuộc hệ thống thi đấu thể thao quân chủng	600.000	400.000	300.000	300.000
4	Các giải thể thao trẻ cấp tỉnh:				
	Dành cho vận động viên từ 16 tuổi đến dưới 21 tuổi	700.000	500.000	300.000	300.000
	Dành cho vận động viên dưới 16 tuổi	600.000	400.000	200.000	200.000
5	Xếp hạng toàn đoàn tại Đại hội Thể dục thể thao cấp tỉnh	Nhất 10.000.000	Nhi 8.000.000	Ba 6.000.000	x
6	Xếp hạng toàn đoàn tại Hội thi thể thao các dân tộc thiểu số cấp tỉnh	Nhất 8.000.000	Nhi 6.000.000	Ba 4.000.000	x
7	Xếp hạng toàn đoàn tại các giải thể thao cấp tỉnh	Nhất 7.000.000	Nhi 5.000.000	Ba 3.000.000	x

3. Vận động viên đạt thành tích tại các cuộc thi đấu cấp khu vực quốc gia được hưởng mức thưởng gấp 2 lần mức thưởng của vận động viên đạt thành tích tại các cuộc thi đấu cấp tỉnh.

4. Mức thưởng đối với huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích tại các đại hội, giải thi đấu thể thao bằng mức thưởng đối với vận động viên.

5. Đối với các môn thể thao tập thể, số lượng huấn luyện viên, vận động viên được thưởng khi lập thành tích theo quy định điều lệ giải. Mức thưởng chung bằng số lượng người được thưởng nhân với mức thưởng tương ứng tại khoản 1, 2, 3 Mục II.

6. Đối với các môn thi đấu đồng đội (các môn thi đấu mà thành tích thi đấu của từng cá nhân và đồng đội được xác định trong cùng một lần thi), số lượng huấn luyện viên, vận động viên được thưởng khi lập thành tích theo quy định của điều lệ giải. Mức thưởng chung bằng số lượng người được thưởng nhân với 50% mức thưởng tương ứng tại khoản 1, 2, 3 Mục II.

7. Đối với các môn Marathon, Việt dã, đua xe đạp: để khuyến khích tinh thần thi đấu thì vận động viên từ hạng 4 đến hạng 10 được hưởng mức thưởng bằng 50% mức thưởng tương ứng của cá nhân đạt huy chương đồng.

III. Quy định khác:

1. Đối với cấp huyện, thị xã (gồm cả sở, ban, ngành cấp tỉnh) tùy theo tình hình kinh phí để áp dụng nhưng không quá 80% mức chi tại khoản 2 Mục II.

2. Đối với cấp xã, phường, thị trấn (gồm cả phòng, ban và tương đương của cấp huyện, thị xã) tùy theo tình hình kinh phí để áp dụng nhưng không quá 60% mức chi tại khoản 2 Mục II.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức thực hiện chế độ thuốc bổ tăng lực và thực phẩm chức năng đối với vận động viên thể thao, chế độ khen thưởng cho huấn luyện viên, vận động viên đạt thành tích trong thi đấu của tỉnh đến các cơ sở thể dục thể thao trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

2. Giao Sở Tài chính cân đối trong nguồn kinh phí sự nghiệp thể dục thể thao hàng năm của tỉnh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt để tổ chức thực hiện chế độ thuốc bổ tăng lực và thực phẩm chức năng đối với vận động viên thể thao, chế độ khen thưởng cho huấn luyện viên, vận động viên đạt thành tích trong thi đấu của tỉnh Đắk Nông.

3. UBND các huyện, thị xã; UBND các xã, phường, thị trấn và các đơn vị liên quan của tỉnh Đắk Nông đảm bảo chế độ khen thưởng cho huấn luyện viên, vận động viên ở địa phương, đơn vị mình nhưng không được quá mức chi tối đa tại Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và Thủ trưởng các Sở, ban ngành liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế mục II của bản Quy định về chế độ bồi dưỡng cho lực lượng phục vụ thi đấu thể thao, chế độ khen thưởng cho huấn luyện viên, vận động viên đạt thành tích cao của tỉnh Đắk Nông ban hành kèm theo Quyết định số 42/2006/QĐ-UBND ngày 01/11/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông./.

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Bộ VH, TT & DL;
- TT Tỉnh ủy (báo cáo);
- TT HĐND tỉnh (báo cáo);
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư Pháp);
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- UBMT Tổ quốc tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Báo Đắk Nông;
- Như Điều 3;
- PCVP: Nguyễn Việt Thuật;
- Lưu: VT, KTTC, VHXH.

32

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Lê Diễn

